

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2024/DS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 499/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 338/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2024/QĐST-DS ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trương Ngọc S, sinh năm 1957; Địa chỉ thường trú: Số I L, tổ C, KV2, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; Địa chỉ liên hệ: Số B, N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phí Văn B, sinh năm 1964; Địa chỉ liên lạc: Số B, tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Ngọc S trình bày:

Ông Trương Ngọc S và ông Phí Văn B là anh em bạn dì (mẹ ông S là em gái của mẹ ông B) và thỉnh thoảng có đi lại hỏi thăm nhau. Do có mối quan hệ họ hàng với ông B nên khi ông B nói có nhu cầu cần tiền để làm ăn và ngỏ ý vay

mượn ông S một số tiền thì ông S đã cho ông B vay với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) vào ngày 29/6/2021.

Khi vay tiền ông B có viết giấy mượn tiền với ông S vào ngày 29/6/2021 và ông S đã giao số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 29/6/2021 cho ông B bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 02890823301 mở tại ngân hàng T của ông Phí Văn B. Trong nội dung của giấy mượn tiền các bên không đề cập đến thời hạn trả nợ nhưng ông S và ông B có thỏa thuận bằng lời nói với nhau về thời hạn trả tiền là vào ngày 29/6/2022. Ông Trương Ngọc S cho ông Phí Văn B mượn tiền không tính lãi. Số tiền mà ông Trương Ngọc S cho ông Phí Văn B vay là tiền cá nhân của ông S khi ông S còn đang độc thân và ông S chỉ cho cá nhân ông Phí Văn B vay, không liên quan đến vợ của ông B. Ngoài việc vay mượn tiền vào ngày 29/6/2021 thì giữa ông Trương Ngọc S và ông Phí Văn B không có bất cứ giao dịch vay mượn, chuyển nhượng nào khác.

Khi đến thời hạn trả tiền thì ông B đã không trả dù ông S đã đến nhà đòi tiền, ông B liên tục hứa hẹn lại với ông S. Sau đó ông B trả được 05 lần tiền với tổng số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) bằng hình thức bao gồm tiền mặt và chuyển khoản, được trả thành nhiều lần và ông S không nhớ rõ cụ thể chính xác thời gian mà ông S đã trả tiền. Đến ngày 30/3/2024 ông B hứa sẽ trả cho ông S mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) bắt đầu từ ngày 30/4/2024 và có xác nhận bằng việc ghi giấy tay nhưng ông B đã không thực hiện.

Vì vậy, ông Trương Ngọc S yêu cầu ông Phí Văn B có nghĩa vụ phải trả số tiền vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Về phía bị đơn ông Phí Văn B:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu ông Phí Văn B có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Ngọc S nhưng ông B không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn trong vụ án cung cấp.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 02/8/2024 và ngày 20/8/2024 nhưng bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 29/6/2021 cho nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn ông **Phí Văn B** có địa chỉ tại **số B, tổ A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông **Trương Ngọc S** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông **Phí Văn B** đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 02/8/2024 và ngày 20/8/2024 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Bị đơn ông **Phí Văn B** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.2.1] Ông **Trương Ngọc S** khởi kiện yêu cầu ông **Phí Văn B** trả số tiền đã vay của ông **S** và cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền ngày 29/6/2021 và Giấy nộp tiền ngày 29/6/2024 có tên người chuyển tiền là **Trương Ngọc S** và người nhận tiền là **Phí Văn B**, số tiền chuyển là 200.000.000 đồng nên có cơ sở xác định việc ông **Trương Ngọc S** cho ông **Phí Văn B** vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 29/6/2021 là có thật.

[2.2.2] Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 29/6/2024 có cơ sở xác định đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự, vì vậy nguyên đơn có quyền đòi lại số tiền cho vay bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho nhau thời gian hợp lý. Trước khi khởi kiện nguyên đơn đã gửi giấy đòi nợ tiền trước đến bị đơn ngày 22/5/2024. Trong suốt quá trình tố tụng vụ án, ông **B** không có ý kiến gì và cũng không thực hiện nghĩa vụ

trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự

[2.2.3] Nguyên đơn ông **Trương Ngọc S** thừa nhận từ khi vay tiền đến nay ông **Phí Văn B** đã trả cho ông **S** được số tiền 50.000.000 đồng nên có cơ sở xác định số tiền ông **Phí Văn B** còn nợ ông **Trương Ngọc S** là 200.000.000 đồng - 50.000.000 đồng = 150.000.000 đồng. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền vay còn lại là 150.000.000 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 96, 147, Điều 227, Điều 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ Điều 466, Điều 469; căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trương Ngọc S** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông **Phí Văn B**.

Buộc ông **Phí Văn B** có nghĩa vụ trả cho ông **Trương Ngọc S** số tiền vay 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông **Phí Văn B** phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông **Trương Ngọc S** không phải chịu.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên